

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- HÀ NỘI**

Bản án số: 50/2026/KDTM-ST
Ngày: 13/7/2026

*V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hoá*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Tạ Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Nguyễn Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2026/TLST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH K1; Địa chỉ trụ sở: Số F ngõ A L, phường G, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Số A Cầu G, phường N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị H, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty CP C; Địa chỉ trụ sở: Khu tái định cư T, ngõ B phố T, phường L, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: B L, phường B, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá H1. (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2025 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K1 trình bày:

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Công ty TNHH K1 (sau đây gọi tắt là Công ty K1) và Công ty Cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 1603/2022/HĐMB/CF3-BĐTD và các phụ lục hợp đồng về việc: Mua bán vật liệu xây

dựng là với nội dung là mua bán mặt hàng gạch nung Tuynel cho dự án nhà ở xã hội số 2, địa điểm lô Ô. T.D.C.13 thuộc Khu đô thị P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Quy cách, số lượng hàng hoá và giá cả sẽ căn cứ vào “đơn đặt hàng” của Công ty C có xác nhận của Công ty K1 trong từng lần đặt hàng cụ thể, thời hạn thanh toán là từ 5-10 ngày kể từ ngày công ty C nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán. Sau khi ký hợp đồng, Công ty TNHH K1 đã cung cấp đầy đủ gạch nung Tuynel theo yêu cầu của Công ty C theo đúng yêu cầu đặt hàng của Công ty C về số lượng, chủng loại, chất lượng, địa điểm giao hàng đồng thời xuất hoá đơn và gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty C theo từng đợt cung cấp như sau:

Đợt 1 từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/4/2022, tổng 37.800 viên, tổng trị giá 111.510.000 đồng. Hoá đơn GTGT số 0000002 ngày 13/5/2022.

Đợt 2 từ ngày 01/5/2022 đến ngày 30/6/2022, tổng 112.750 viên, tổng trị giá: 390.151.500 đồng. Hoá đơn GTGT số 0000003 ngày 05/7/2022.

Đợt 3 từ ngày 01/7/2022 đến ngày 31/7/2022, tổng 10.900 viên, tổng trị giá: 82.983.000 đồng. Hoá đơn GTGT số 0000004 ngày 12/8/2022.

Đợt 4 từ ngày 01/8/2022 đến ngày 31/8/2022, tổng 22.500 viên, tổng trị giá: 81.603.000 đồng. Hoá đơn GTGT số 0000005 ngày 06/9/2022.

Như vậy tổng số gạch Công ty K1 đã cung cấp cho Công ty C là 183.950 viên gạch Tuynel với tổng giá trị hàng hoá là 666.247.500 đồng, đã xuất đầy đủ hoá đơn đồng thời lập các biên bản đối chiếu cung cấp vật tư, biên bản xác nhận giá trị hàng hoá giao nhận và biên bản đối chiếu công nợ gửi cho Công ty C. Theo biên bản đối chiếu công nợ lần cuối cùng giữ Công ty C và Công ty K1, Công ty C1 đã thanh toán được cho Công ty K1 tổng số tiền là 170.000.000 đồng trong tổng số tiền phải thanh toán và còn phải tiếp tục trả cho công ty K1 số tiền là 496.247.500 đồng. Tiếp đến, ngày 22/02/2025, Công ty C đã thanh toán tiếp cho Công ty K1 số tiền 30.000.000 đồng, còn phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc là 466.247.500 đồng. Từ đó đến nay, Công ty C không thanh toán cho Công ty K1 bất cứ khoản tiền nào mặc dù đã quá hạn thanh toán. Công ty K1 đã nhiều lần yêu cầu công ty C hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty C không thực hiện như đã hứa đồng thời trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty K1 đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5- Hà Nội giải quyết: Buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty K1 số tiền giá trị hàng hoá chưa thanh toán là 466.247.500 đồng và thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán là 130.835.089 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty K1 đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/5/2026, theo đó Công ty K1 không yêu cầu Công ty C phải thanh toán cho Công ty K1 số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 17/10/2025 là 153.370.384 đồng, chỉ yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền giá trị hàng hoá chưa thanh toán là

466.247.500 đồng; bị đơn là Công ty C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, nguyên đơn do bà Phạm Thị H- chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt, xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc công ty C phải thanh toán cho công ty K1 số tiền nợ gốc là 466.247.500 đồng, không yêu cầu công ty C trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc trên. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, đề nghị nào khác; Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến và việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký toà án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà ngày hôm nay là đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 117, 119 Bộ luật dân sự, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật thương mại đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 1603/202/HĐMB/CF3-BĐTD ngày 16/3/2022 là 496.247.500 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1 có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần C còn tiếp tục phải chịu số tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc C2 phải thanh toán cho C3 VNC số tiền lãi do chậm thanh toán theo thỏa thuận, tính đến ngày 17/10/2025 là 153.370.384 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu cáo trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1]. Về chủ thể, Công ty K1 và công ty C là hai công ty có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh hợp pháp, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Công ty K1 khởi kiện Công ty C yêu cầu Toà án giải quyết do có tranh chấp về thanh toán trong quá trình

thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá. Do vậy Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán hàng hoá theo Điều 30 của BLTTDS. Công ty CP C có trụ sở tại Khu tái định cư T, ngõ B phố T, phường L, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội thụ lý vụ án, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là công ty K1 đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hoà giải; bị đơn là Công ty C đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của Công ty K1 để xét xử vụ án kinh doanh thương mại vắng mặt công ty K1 và công ty C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy nguyên đơn là công ty K1 đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn là công ty C không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến toà tham gia tố tụng và không có văn bản ghi lời khai nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[2]. Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Công ty K1 và công ty C có giao kết Hợp đồng nguyên tắc số 1603/2022/HĐMB/CF3-BĐTD về việc Mua bán vật liệu xây dựng. Nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ các quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 401, 503 của Bộ luật Dân sự. Khi thực hiện giao dịch đều có chữ ký xác nhận của các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó hợp đồng này là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết. Vì vậy các bên có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận, cam kết trong hợp đồng.

Trong thời gian từ 01/4/2022 đến 31/8/2022, Công ty K1 đã giao đầy đủ hàng hoá theo số lượng, chủng loại, chất lượng, địa điểm giao hàng theo từng đơn đặt hàng của công ty K1 và phát hành 04 hoá đơn giá trị gia tăng cho công ty C với tổng số tiền phải trả là 666.247.500 đồng. Công ty C đã thanh toán được 170.000.000 đồng, còn phải thanh toán cho công ty K1 số tiền hàng hoá gốc là 496.247.500 đồng. Sau nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán, Công ty C tiếp tục thanh toán cho công ty K1 số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 01/6/2026, như vậy số tiền nợ gốc còn lại công ty C còn nợ

công ty K1 là 466.247.500 đồng, từ đó đến nay không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho công ty K1. Như vậy công ty C đã vi phạm thoả thuận về thanh toán đã ký kết giữa hai công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập họp lệ công ty C nhưng Công ty không đến Toà án làm việc, không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty C là Khu tái định cư T, ngõ B phố T, phường L, thành phố Hà Nội thì được Công an phường L cung cấp: Hiện nay công ty C4 có trụ sở tại địa chỉ trên không có dấu hiệu hoạt động, tại địa chỉ trên không treo biển hiệu, logo nhận dạng công ty, cũng không có nhân viên hay cán bộ nào của công ty C4 làm việc tại địa chỉ này. Toà án đã gửi công văn đến Sở tài chính thành phố H thì được Sở tài chính cung cấp: Công ty Cổ phần C- MSDN: 0105462724; giấy chứng nhận ĐKKD cấp lần đầu ngày 22/8/2022, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/12/2025; địa chỉ trụ sở chính: Khu tái định cư S, ngõ B phố T, phường L, thành phố Hà Nội; tình trạng pháp lý doanh nghiệp: đang hoạt động; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Bá H1- sinh năm 1972, số định danh cá nhân: 025072013650, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc. Mặc dù Hợp đồng nguyên tắc và các Biên bản đối chiếu công nợ đều do ông Nguyễn Trọng K- chức vụ Tổng Giám đốc ký và đến ngày 04/12/2025, Công ty C có thay đổi đăng ký kinh doanh và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Bá H1 nhưng điều này không làm thay đổi nghĩa vụ thanh toán của công ty C đối với công ty K1. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH K1 là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

Nguyên đơn có đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Công ty K1 số tiền lãi do chậm thanh toán theo thoả thuận tính đến ngày 17/10/2025 là 153.370.384 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 398, 401, 410, 430, 431, 440 Bộ luật dân sự; các Điều 30, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 34, 50, 55 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1 đối với Công ty Cổ Phần C.

Buộc Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ trả cho Công ty K1 tổng số tiền công nợ gốc tính đến ngày mở phiên toà sơ thẩm là 466. 247.500 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Công ty K1 số tiền lãi do chậm thanh toán theo thoả thuận tính đến ngày 17/10/2025 là 153.370.384 đồng.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần C phải chịu 22.649.900 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. H2 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phát số tiền tạm ứng án phí là 14.392.357 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 18182 ngày 01/12/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5- Hà Nội
- THA dân sự thành phố Hà Nội;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân